TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**
Số: 505/2017/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số 795/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 1343, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Như T, sinh năm 1982. Hộ khẩu thường trú: Khối 6, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc. Địa chỉ tạm trú: Số 1343, Khu phố 7, phường P, thành phố Thủ D, tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017;

XÉT THẤY

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Như T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Như T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2007 ngày 03/10/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc cấp cho ông Phạm Như T và bà Nguyễn Thị Kim T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Như Đ, sinh ngày 29/10/2007.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Như T đồng ý cấp dưỡng cho con chung là cháu Phạm Như Đ mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 03/11/2017 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Phạm Như T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung của ông T theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Phạm Như Đ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim T đồng ý nộp án phí hôn nhân và gia đình số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001772 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T trả cho bà T 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

- Ông Phạm Như T đồng ý nộp án phí hôn nhân và gia đình số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng số tiền ông T nộp là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND T^2 E, H. E, tỉnh Đắc Lắc;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hoa Hạnh